

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco**  
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không  
Taseco Nội Bài]

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 39

# Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2017.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017, Công ty đã được phê duyệt đổi tên từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco.

Theo Công văn số 6411/UBCK-GSĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng. Ngày 26 tháng 12 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Quyết định Niêm yết số 485/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là AST.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không bao gồm:

- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Anh Quốc	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Lars Kjaer	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2017
Ông Đào Tiến Dương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Vũ Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
		Miễn nhiệm ngày 7 tháng 11 năm 2017
Bà Trần Thị Loan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Loan	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2017
Ông Phạm Đức Long	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
		Miễn nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2017
Ông Phạm Quang Viên	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Đặng Kim Ngân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2017
Bà Trần Thị Liên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Lê Thị Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco**  
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Anh Quốc	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2017
Ông Phạm Đức Long	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc	

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Anh Quốc, Tổng Giám đốc.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



Số tham chiếu: 61311118/19608173-Audit 311217

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] (“Công ty”) được lập ngày 15 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 15 tháng 3 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Phạm Công Khanh  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3483-2015-004-1

Rhùng Mạnh Phú  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2598-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>91.374.300.343</b>	<b>35.390.997.252</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>63.598.860.713</b>	<b>18.779.591.837</b>
111	1. Tiền		13.598.860.713	18.779.591.837
112	2. Các khoản tương đương tiền		50.000.000.000	-
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>13.118.511.191</b>	<b>8.149.230.588</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	3.223.739.653	2.906.904.269
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	2.534.392.455	69.130.013
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	7.360.379.083	5.173.196.306
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>11.925.089.340</b>	<b>7.521.124.329</b>
141	1. Hàng tồn kho		11.925.089.340	7.521.124.329
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.731.839.099</b>	<b>941.050.498</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	2.731.839.099	941.050.498
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>390.211.710.521</b>	<b>266.106.181.836</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>151.220.439.740</b>	<b>75.370.439.740</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	151.220.439.740	75.370.439.740
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>39.230.836.003</b>	<b>17.103.815.429</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	39.178.706.686	17.014.788.104
222	Nguyên giá		49.326.809.862	21.403.553.178
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(10.148.103.176)	(4.388.765.074)
227	2. Tài sản cố định vô hình		52.129.317	89.027.325
228	Nguyên giá		127.592.000	127.592.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(75.462.683)	(38.564.675)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>192.924.427.614</b>	<b>169.671.289.901</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		131.924.427.614	169.671.289.901
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		60.000.000.000	-
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000	-
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.836.007.164</b>	<b>3.960.636.766</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	6.836.007.164	3.960.636.766
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>481.586.010.864</b>	<b>301.497.179.088</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>89.558.691.741</b>	<b>126.348.644.065</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>43.043.891.741</b>	<b>98.864.444.065</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11.1	13.967.709.708	8.525.467.097
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11.2	6.629.307.421	8.001.025
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	4.481.671.838	3.710.059.855
314	4. Phải trả người lao động		10.560.029.474	6.456.677.399
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		825.422.754	558.456.341
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	1.176.224.045
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	13	790.950.546	63.544.478.910
320	8. Vay ngắn hạn	14	5.788.800.000	14.885.079.393
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>46.514.800.000</b>	<b>27.484.200.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	13	38.000.000.000	24.000.000.000
338	2. Vay dài hạn	14	8.514.800.000	3.484.200.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>392.027.319.123</b>	<b>175.148.535.023</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15</b>	<b>392.027.319.123</b>	<b>175.148.535.023</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành	15.1, 15.2	360.000.000.000	160.480.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		360.000.000.000	160.480.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		32.027.319.123	14.668.535.023
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		449.618.349	98.944.279
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		31.577.700.774	14.569.590.744
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>481.586.010.864</b>	<b>301.497.179.088</b>



Phạm Trí Hoàng  
Người lập



Đào Ngọc Thiết  
Kế toán trưởng



Lê Anh Quốc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	227.043.207.012	172.942.424.394
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	227.043.207.012	172.942.424.394
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	17	(111.749.202.534)	(80.972.576.664)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		115.294.004.478	91.969.847.730
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	69.461.643.982	2.031.162.294
22	7. Chi phí tài chính	18	(1.669.045.507)	(964.320.662)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.625.085.880)	(948.803.896)
25	8. Chi phí bán hàng	19	(55.850.785.262)	(56.108.461.370)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(22.864.568.846)	(20.744.718.797)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		104.371.248.845	16.183.509.195
31	11. Thu nhập khác	20	2.817.773.955	2.199.006.713
32	12. Chi phí khác	20	(67.656.364)	(35.992.171)
40	13. Lợi nhuận khác	20	2.750.117.591	2.163.014.542
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		107.121.366.436	18.346.523.737
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	(8.741.355.293)	(3.776.932.993)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		98.380.011.143	14.569.590.744

Phạm Trí Hoàng  
Người lập

Đào Ngọc Thiết  
Kế toán trưởng



Lê Anh Quốc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>107.121.366.436</b>	<b>18.346.523.737</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		6.477.416.625	4.276.367.826
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		43.193.669	14.902.754
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(70.647.845.894)	(2.217.823.151)
06	Chi phí lãi vay	18	1.625.085.880	948.803.896
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>44.619.216.716</b>	<b>21.368.775.062</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(538.445.570)	17.187.364.505
10	Tăng hàng tồn kho		(4.403.965.011)	(2.909.392.088)
11	Tăng các khoản phải trả		14.237.639.850	830.497.742
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(4.666.158.999)	2.218.198.366
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.625.085.880)	(948.803.896)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(7.552.178.173)	(1.966.000.000)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(741.027.043)	-
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>39.329.995.890</b>	<b>35.780.639.691</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(30.989.109.893)	(6.842.659.774)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.227.272.727	510.361.092
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(143.000.000.000)	(75.220.439.740)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		58.000.000.000	47.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(61.444.427.614)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		65.454.784.428	8.813.643
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(110.751.480.352)</b>	<b>(34.543.924.779)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		199.520.000.000	2.776.098.900
33	Tiền thu từ đi vay		46.528.280.605	38.538.951.315
34	Tiền trả nợ gốc vay		(49.524.333.598)	(24.593.357.903)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(80.240.000.000)	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>116.283.947.007</b>	<b>16.721.692.312</b>
<b>50</b>	<b>Tăng tiền thuần trong năm</b>		<b>44.862.462.545</b>	<b>17.958.407.224</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>18.779.591.837</b>	<b>836.087.367</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(43.193.669)	(14.902.754)
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>63.598.860.713</b>	<b>18.779.591.837</b>



Phạm Trí Hoàng  
Người lập



Đào Ngọc Thiết  
Kế toán trưởng



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2017.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017, Công ty đã được phê duyệt đổi tên từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco.

Theo Công văn số 6411/UBCK-GSĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng. Ngày 26 tháng 12 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Quyết định Niêm yết số 485/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là AST.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không bao gồm:

- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 435 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 330 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 4 công ty con, bao gồm:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng ("Taseco Đà Nẵng")	99,9%	99,9%	Số 99 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng, dịch vụ vận tải hành khách và các dịch vụ liên quan.
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Sài Gòn ("Taseco Sài Gòn")	65%	65%	Số 28/1/21 Huỳnh Lan Khanh, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ; dịch vụ bán hàng và các sản phẩm lưu niệm; dịch vụ đón tiễn; đại lý du lịch và điều hành tua du lịch; đại lý thu đổi ngoại tệ; dịch vụ quảng cáo.
3	Công ty TNHH Một thành viên Taseco Oceanview Đà Nẵng ("Taseco Oceanview Đà Nẵng")	100%	100%	Số 200 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng	Quản lý khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống, vận tải hành khách đường bộ và các dịch vụ liên quan và các hoạt động khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

### *Cơ cấu tổ chức* (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 4 công ty con, bao gồm: (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco ("Taseco Media")	99,9%	99,9%	Tầng 1 tòa N02-T1 khu Đoàn Ngoại Giao, phố Đỗ Nhuận - Phường Xuân Tảo - Quận Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Dịch vụ quảng cáo, viễn thông, khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống.

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 10. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 vào ngày 15 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

### 2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày hình thái tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là hàng hóa với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

(\*) Một số nhà cửa, vật kiến trúc nhận góp vốn từ công ty mẹ được ghi nhận và trích khấu hao theo thời gian khấu hao còn lại từ 1 đến 5 năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

#### 3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.9 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

*Trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế do một bên kiểm soát:*

Nếu Công ty kiểm soát BCC, Công ty sẽ hạch toán toàn bộ doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, đồng thời ghi nhận toàn bộ lợi nhuận sau thuế của BCC vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán riêng. Lợi nhuận sau thuế chia cho bên không kiểm soát sẽ được giảm trừ vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của bảng cân đối kế toán riêng.

Nếu Công ty không kiểm soát BCC, Công ty ghi nhận phần lợi nhuận mà Công ty được chia từ BCC trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.10 Các khoản đầu tư

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng hoàn thành thực tế của mỗi hợp đồng.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

#### 3.15 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

#### 3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

### 4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	1.171.701.745	1.143.215.064
Tiền gửi ngân hàng	12.427.158.968	17.636.376.773
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>63.598.860.713</b>	<b>18.779.591.837</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn 1 tháng và hưởng lãi suất từ 4,3% đến 5,1%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đầu tư Bốn Mùa	614.301.447	520.824.540
Công ty Dịch vụ Mobifone Khu vực 1 – Chi nhánh	595.776.139	-
Tổng Công ty Viễn thông Mobifone		
Công ty TNHH Sejoong Việt Nam	53.300.000	378.088.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.773.004.061	1.085.196.197
Phải thu từ các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 23</i> )	187.358.006	924.815.532
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.223.739.653</b>	<b>2.906.904.269</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hợp tác Quốc tế V-S-F Architects	1.377.896.264	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Q&Q	598.367.000	-
Các khoản trả trước khác	558.129.191	69.130.013
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.534.392.455</b>	<b>69.130.013</b>

**6. PHẢI THU KHÁC**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng cho nhân viên	1.096.770.446	369.408.218
Phải thu ngắn hạn khác	2.297.319.897	1.671.174.452
Lãi cho khoản vốn góp hợp tác kinh doanh ( <i>Thuyết minh số 23</i> ) (*)	3.965.788.740	-
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 23</i> )	500.000	3.132.613.636
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.360.379.083</b>	<b>5.173.196.306</b>
<b>Dài hạn</b>		
Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư ( <i>Thuyết minh số 23</i> ) (*)	150.220.439.740	75.220.439.740
Đặt cọc thuê vị trí quảng cáo ( <i>Thuyết minh số 23</i> )	1.000.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	-	150.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>151.220.439.740</b>	<b>75.370.439.740</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

(\*) Đây là khoản góp vốn vào Dự án Hạ Long – Quảng Ninh theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 70/2016/HTDT/TASECO – TASECO.NB ngày 26 tháng 12 năm 2016 và Phụ lục hợp đồng số 142/PL-HTDT/TASECO – TASECO.NB ngày 30 tháng 9 năm 2017. Theo đó, Công ty và Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Thăng Long (“Taseco Thăng Long”), công ty mẹ của Công ty, cùng hợp tác kinh doanh vào một dự án bất động sản do Công ty Taseco Thăng Long làm chủ đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã góp vốn với số tiền là 150,22 tỷ VND.

Cũng theo Phụ lục nêu trên, Taseco Thăng Long sẽ phải trả Công ty khoản lãi tính trên số dư góp vốn nếu Taseco Thăng Long chậm khởi công dự án nêu trên. Do Taseco Thăng Long đã chậm khởi công dự án, trong năm, Công ty đã ghi nhận khoản lãi với số tiền là 3,97 tỷ VND vào doanh thu tài chính (Thuyết minh số 16.2).

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng hóa	11.292.710.078	-	6.867.194.718	-
Nguyên vật liệu	497.392.051	-	503.401.196	-
Công cụ, dụng cụ	134.987.211	-	150.528.415	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.925.089.340</b>	<b>-</b>	<b>7.521.124.329</b>	<b>-</b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	665.885.440	128.151.617
Chi phí sửa chữa	454.404.615	340.477.415
Chi phí thuê mặt bằng	586.249.781	-
Chi phí bảo hiểm trả trước	309.820.078	-
Khác	715.479.185	472.421.466
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.731.839.099</b>	<b>941.050.498</b>
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	6.375.702.440	2.641.027.129
Chi phí sửa chữa	70.053.389	985.026.844
Khác	390.251.335	334.582.793
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.836.007.164</b>	<b>3.960.636.766</b>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco**  
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm:	4.813.341.656	1.827.492.326	14.762.719.196	-	21.403.553.178
- Mua trong năm	-	6.371.964.834	17.006.629.093	140.138.000	23.518.731.927
- Đầu tư XDCB hoàn thành	5.085.705.272	-	-	-	5.085.705.272
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(614.898.151)	-	(614.898.151)
- Giảm khác	(66.282.364)	-	-	-	(66.282.364)
Số cuối năm	9.832.764.564	8.199.457.160	31.154.450.138	140.138.000	49.326.809.862
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	243.278.338	82.653.335	-	-	325.931.673
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	1.407.272.769	604.415.187	2.377.077.118	-	4.388.765.074
- Khấu hao trong năm	1.045.685.455	1.076.408.596	4.289.175.179	29.249.387	6.440.518.617
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(614.898.151)	-	(614.898.151)
- Giảm khác	(66.282.364)	-	-	-	(66.282.364)
Số cuối năm	2.386.675.860	1.680.823.783	6.051.354.146	29.249.387	10.148.103.176
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	3.406.068.887	1.223.077.139	12.385.642.078	-	17.014.788.104
Số cuối năm	7.446.088.704	6.518.633.377	25.103.095.992	110.888.613	39.178.706.686
<b>Trong đó:</b>					
Tài sản sử dụng để thế chấp	-	-	20.219.137.884	-	20.219.137.884





**Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco**  
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**10.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

- (ii) Trong năm, Công ty đã nhận được khoản cổ tức với số tiền là 33.360.732.890 VND từ Taseco Oceanview Đà Nẵng. Khoản cổ tức này được chi từ lợi nhuận để lại của Taseco Oceanview Đà Nẵng có được từ trước ngày Công ty nắm quyền kiểm soát Taseco Oceanview Đà Nẵng và theo đó khoản cổ tức này đã được Công ty ghi giảm vào giá trị đầu tư của Công ty vào Taseco Oceanview Đà Nẵng. Theo Biên bản thỏa thuận ngày 29 tháng 9 năm 2016 giữa Công ty và Taseco Thăng Long, Công ty có trách nhiệm trả khoản cổ tức này cho Taseco Thăng Long.
- (iii) Trong năm, Công ty đã nhận chuyển nhượng 100.000 cổ phần của Taseco Sài Gòn với giá trị 1.000.000.000 VND từ cổ đông của Taseco Sài Gòn và nâng tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại Taseco Sài Gòn lên 65%.
- (iv) Trong năm, Công ty đã nhận chuyển nhượng 1.498.500 cổ phần của Taseco Media với giá trị 444.427.614 VND từ Taseco Thăng Long. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong Taseco Media là 99,9% và Taseco Media trở thành công ty con của Công ty.

**10.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về công ty liên kết và tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong công ty liên kết này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Giá trị khoản đầu tư (VND)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Giá trị khoản đầu tư (VND)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam ("VinaCS")	Cảng hàng không quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Sản xuất món ăn, thực ăn chế biến sẵn phục vụ hành khách hàng không; - Dịch vụ ăn uống cho khách hàng trong và ngoài ngành hàng không; và - Các dịch vụ phụ trợ khác.	60.000.000.000	26,67%	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>60.000.000.000</b>		<b>-</b>	

Trong năm, Công ty đã nhận chuyển nhượng 6.000.000 cổ phần của VinaCS với giá trị là 60 tỷ VND từ Taseco Thăng Long, công ty mẹ của Công ty, theo Nghị quyết số 06B/2017/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 6 năm 2017 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 1 tháng 7 năm 2017 giữa Công ty và Taseco Thăng Long. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong VinaCS là 40% và VinaCS trở thành công ty liên kết của Công ty.

Ngày 27 tháng 11 năm 2017, VinaCS đã phát hành thêm 7.500.000 cổ phiếu cho cổ đông mới để tăng vốn từ 150 tỷ VND lên 225 tỷ VND. Việc tăng vốn đã được phê duyệt theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107038831 điều chỉnh lần thứ 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 11 năm 2017. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại VinaCS giảm từ 40% xuống còn 26,67%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**11.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Châu Thông	1.840.634.890	1.840.634.890	745.821.785	745.821.785
Phải trả đối tượng khác	10.518.390.065	10.518.390.065	6.242.843.359	6.242.843.359
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	328.352.500	328.352.500	300.000.000	300.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.967.709.708</b>	<b>13.967.709.708</b>	<b>8.525.467.097</b>	<b>8.525.467.097</b>

**11.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Truyền thông Sân bay Đà Nẵng	3.084.136.627	-
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật & Khoa học OPPO	1.173.431.400	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.791.666.667	-
Khách hàng khác	580.072.727	8.001.025
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.629.307.421</b>	<b>8.001.025</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

*Đơn vị tính: VND*

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.121.266.388	8.741.355.293	(7.552.178.173)	3.310.443.508
Thuế giá trị gia tăng	1.497.605.830	7.176.839.414	(7.611.070.047)	1.063.375.197
Thuế tiêu thụ đặc biệt	54.013.637	740.532.168	(724.278.672)	70.267.133
Thuế thu nhập cá nhân	31.174.000	364.794.207	(358.382.207)	37.586.000
Các loại thuế khác	6.000.000	101.118.805	(107.118.805)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.710.059.855</b>	<b>17.124.639.887</b>	<b>(16.353.027.904)</b>	<b>4.481.671.838</b>

## 13. PHẢI TRẢ KHÁC

*Đơn vị tính: VND*

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	323.000.000	204.000.000
Phải trả về nhận góp vốn bằng các khoản đầu tư vào công ty con của bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 23</i> )	-	39.191.289.901
Phải trả theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư với Taseco Đà Nẵng ( <i>Thuyết minh số 23</i> )	-	23.000.000.000
Các khoản phải trả khác	467.950.546	1.149.189.009
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>790.950.546</b>	<b>63.544.478.910</b>
<b>Dài hạn</b>		
Phải trả theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư với Taseco Oceanview Đà Nẵng (*) ( <i>Thuyết minh số 23</i> )	38.000.000.000	-
Phải trả theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư với Taseco Đà Nẵng (**) ( <i>Thuyết minh số 23</i> )	-	24.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>24.000.000.000</b>

(\*) Đây là khoản nhận góp vốn từ Taseco Oceanview Đà Nẵng theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 50B/2017/HTDT/TASECO.ĐN-TASECO.NB ngày 20 tháng 3 năm 2017 nhằm cùng với Công ty hợp tác kinh doanh tại lô đất H33 và H30 thuộc khu Hỗn Hợp Bán đảo 2 – Khu Đô thị Dịch vụ Hùng Thắng, phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh do Taseco Thăng Long, công ty mẹ của Công ty, làm chủ đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Taseco Oceanview Đà Nẵng đã góp vốn cho Công ty với số tiền là 38 tỷ VND.

(\*\*) Trong năm, Công ty đã chấm dứt hợp tác đầu tư với Taseco Đà Nẵng theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 01/2016/HTDT/TASECO.ĐN-TASECO.NB ngày 26 tháng 12 năm 2016 và Phụ lục Hợp đồng số 01/2016/PL-HTDT/TASECO.ĐN-TASECO.NB ngày 31 tháng 12 năm 2016. Theo đó, Công ty đã hoàn trả Taseco Đà Nẵng khoản vốn đã góp để hợp tác đầu tư.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco**  
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. VAY**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
<b>Vay ngắn hạn</b>								
Vay ngân hàng	13.532.679.393	13.532.679.393	33.265.880.605	(46.798.559.998)	-	-	-	
Vay dài hạn đến hạn trả	1.352.400.000	1.352.400.000	8.231.800.000	(3.795.400.000)	5.788.800.000	5.788.800.000	5.788.800.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.885.079.393</b>	<b>14.885.079.393</b>	<b>41.497.680.605</b>	<b>(50.593.959.998)</b>	<b>5.788.800.000</b>	<b>5.788.800.000</b>	<b>5.788.800.000</b>	
<b>Vay dài hạn</b>								
Vay dài hạn ngân hàng	3.484.200.000	3.484.200.000	13.262.400.000	(8.231.800.000)	8.514.800.000	8.514.800.000	8.514.800.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.484.200.000</b>	<b>3.484.200.000</b>	<b>13.262.400.000</b>	<b>(8.231.800.000)</b>	<b>8.514.800.000</b>	<b>8.514.800.000</b>	<b>8.514.800.000</b>	

**Chi tiết các khoản vay ngắn hạn dài hạn**

Ngân hàng cho vay	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất/năm	Hình thức thế chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	1.894.200.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 12 tháng 5 năm 2021	Lãi suất trong năm là 10% còn lại là 2,3 tỷ VND	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	554.400.000			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	1.590.000.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 16 tháng 12 năm 2019	Lãi suất trong năm là 8,4% còn lại là 2,5 tỷ VND	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	798.000.000			

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco**  
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. VAY (tiếp theo)**

**Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)**

<i>Ngân hàng cho vay</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức thế chấp</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	3.190.000.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 10 tháng 3 năm 2020	Lãi suất trong năm là 8,7%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 4,8 tỷ VND
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.416.000.000</i>			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	1.532.400.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 21 tháng 6 năm 2020	Lãi suất trong năm là 8,8%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 2,1 tỷ VND
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>612.000.000</i>			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	2.147.000.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 26 tháng 6 năm 2020	Lãi suất trong năm là 8,8%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 2,7 tỷ VND
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>858.000.000</i>			

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco**  
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. VAY (tiếp theo)**

**Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)**

<i>Ngân hàng cho vay</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức thế chấp</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	2.374.600.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 26 tháng 7 năm 2020	Lãi suất trong năm là 8,8% còn lại là 3,4 tỷ VND	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	919.200.000			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	1.575.400.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 20 tháng 6 năm 2020	Lãi suất trong năm là 8,8% còn lại là 2,2 tỷ VND	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	631.200.000			
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.303.600.000</b>			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	8.514.800.000			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	5.788.800.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 15.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND		
	Vốn cổ phần đã phát hành	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>			
Số đầu năm	27.126.277.100	99.944.279	27.226.221.379
Tăng vốn trong năm	133.353.722.900	-	133.353.722.900
Lợi nhuận thuần trong năm	-	14.569.590.744	14.569.590.744
Giảm khác	-	(1.000.000)	(1.000.000)
Số cuối năm	<u>160.480.000.000</u>	<u>14.668.535.023</u>	<u>175.148.535.023</u>
<b>Năm nay</b>			
Số đầu năm	160.480.000.000	14.668.535.023	175.148.535.023
Vốn góp của cổ đông (*)	199.520.000.000	-	199.520.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	98.380.011.143	98.380.011.143
Cổ tức trong năm (**)	-	(80.240.000.000)	(80.240.000.000)
Trích quỹ khen thưởng (***)	-	(577.227.043)	(577.227.043)
Giảm khác	-	(204.000.000)	(204.000.000)
Số cuối năm	<u>360.000.000.000</u>	<u>32.027.319.123</u>	<u>392.027.319.123</u>

(\*) Theo Biên bản số 04/2017/ĐHĐCĐ-BB và Nghị quyết số 04/2017/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 2 tháng 6 năm 2017, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành thêm 20.060.000 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ 160,48 tỷ VND lên 361,08 tỷ VND. Theo Biên bản họp số 07/2017/BB-HĐQT và Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 7 năm 2017, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc không chào bán số cổ phần mà cổ đông hiện hữu được phân phối nhưng không thực hiện quyền mua (108.000 cổ phần) và kết thúc đợt chào bán với số lượng cổ phần đã chào bán thành công là 19.952.000 cổ phần.

(\*\*) Theo Nghị quyết số 02/2017/ĐHĐCĐ-NQ ngày 11 tháng 4 năm 2017 và Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông số 02/2017/ĐHĐCĐ-BB ngày 11 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt việc chia cổ tức bằng tiền cho năm 2016 và tạm ứng cổ tức Quý I năm 2017 với tổng số tiền là 80,24 tỷ VND. Số cổ tức đã được thanh toán cho các cổ đông hiện hữu trong năm là 80,24 tỷ VND.

(\*\*\*) Theo Quyết định số 01/QĐ-HĐQT-TASECO.NB ngày 23 tháng 1 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt việc trích quỹ khen thưởng cho Ban Điều hành Công ty năm 2016 tương ứng với số tiền là 577.227.043 VND. Quỹ khen thưởng này đã được thanh toán cho Ban Điều hành Công ty trong năm.

### 15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Taseco Thăng Long	216.000.000.000	216.000.000.000	-	160.450.000.000	160.450.000.000	-
Cổ đông khác	144.000.000.000	144.000.000.000	-	30.000.000	30.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>360.000.000.000</u>	<u>360.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>160.480.000.000</u>	<u>160.480.000.000</u>	<u>-</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	160.480.000.000	27.126.277.100
Vốn góp tăng trong năm	199.520.000.000	133.353.722.900
Trong đó:		
<i>Bằng tiền</i>	199.520.000.000	2.776.098.900
<i>Bằng chi phí</i>	-	97.624.000
<i>Bằng các khoản đầu tư vào các công ty con</i>	-	130.480.000.000
Số cuối năm	360.000.000.000	160.480.000.000
<b>Cổ tức đã trả</b>	<b>(80.240.000.000)</b>	-

**15.4 Cổ tức**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm</b>		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2016: 2.500 VND/cổ phiếu	40.120.000.000	-
Tạm ứng cổ tức cho năm 2017: 2.500 VND/cổ phiếu	40.120.000.000	-

**15.5 Cổ phiếu**

	Năm nay		Năm trước	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị VND	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (31 tháng 12 năm 2016: 10.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 16. DOANH THU

### 16.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>227.043.207.012</b>	<b>172.942.424.394</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	128.278.229.427	95.959.339.533
Doanh thu cung cấp dịch vụ	98.764.977.585	76.983.084.861
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>227.043.207.012</b>	<b>172.942.424.394</b>
Trong đó:		
Doanh thu thuần từ bán hàng	128.278.229.427	95.959.339.533
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	98.764.977.585	76.983.084.861
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	223.709.686.268	167.916.301.414
Doanh thu đối với các bên liên quan	3.333.520.744	5.026.122.980

### 16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay	1.688.220.605	2.018.761.313
Lãi tiền gửi	241.123.823	8.813.643
Lãi cho khoản vốn góp hợp tác kinh doanh	3.965.788.740	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	41.070.814	3.587.338
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	63.525.440.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>69.461.643.982</b>	<b>2.031.162.294</b>

(\*) Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm bao gồm cổ tức và lợi nhuận chia từ lợi nhuận sau thuế của Taseco Đà Nẵng và Taseco Oceanview Đà Nẵng sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát các công ty con này.

## 17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	62.136.281.583	47.522.227.800
Giá vốn dịch vụ	49.612.920.951	33.450.348.864
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>111.749.202.534</b>	<b>80.972.576.664</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	1.625.085.880	948.803.896
Lỗi chênh lệch tỷ giá	43.959.627	15.516.766
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.669.045.507</u></b>	<b><u>964.320.662</u></b>

**19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân công	26.248.663.383	21.300.193.522
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.502.670.055	4.625.619.266
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.938.872.227	1.484.746.791
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.620.641.094	11.955.295.884
Chi phí thuê kho, mặt bằng	13.218.225.742	16.354.527.720
Chi phí khác bằng tiền	321.712.761	388.078.187
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>55.850.785.262</u></b>	<b><u>56.108.461.370</u></b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	13.254.640.520	10.207.841.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.795.954.582	4.864.847.535
Chi phí tư vấn	705.000.000	3.154.545.454
Chi phí thuê kho, mặt bằng	1.620.867.640	1.226.866.666
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	691.155.795	533.697.815
Chi phí khấu hao tài sản cố định	482.283.267	450.607.200
Chi phí quản lý khác	314.667.042	306.312.506
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>22.864.568.846</u></b>	<b><u>20.744.718.797</u></b>

**20. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ khuyến mại sim chủ và phát triển thuê bao	1.384.140.130	376.686.935
Hỗ trợ bán hàng và trưng bày sản phẩm	-	1.440.000.000
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.227.272.726	-
Khác	206.361.099	382.319.778
	<b><u>2.817.773.955</u></b>	<b><u>2.199.006.713</u></b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí khác	67.656.364	35.992.171
	<b><u>67.656.364</u></b>	<b><u>35.992.171</u></b>
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b><u>2.750.117.591</u></b>	<b><u>2.163.014.542</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	81.082.102.196	75.104.817.883
Chi phí nhân công	52.160.152.595	40.194.097.170
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.477.416.625	4.276.367.826
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.531.482.061	25.140.379.739
Chi phí thuê mặt bằng cho dịch vụ quảng cáo, bán hàng	23.705.552.698	12.415.703.520
Chi phí khác	507.850.467	694.390.693
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>190.464.556.642</b>	<b>157.825.756.831</b>

## 22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 22.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.741.355.293	3.776.932.993
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.741.355.293</b>	<b>3.776.932.993</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	107.121.366.436	18.346.523.737
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	21.424.273.287	3.669.304.747
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.638.734	-
Chi phí không được trừ thuế khác	13.531.272	107.628.246
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia - không thuộc diện nộp thuế TNDN	(12.705.088.000)	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>8.741.355.293</b>	<b>3.776.932.993</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	47.000.000.000	-
		Nhận tiền hợp tác đầu tư	-	47.000.000.000
		Cổ tức được nhận từ thời điểm nhận chuyển nhượng vốn góp	34.525.440.000	-
		Cổ tức và quỹ đầu tư phát triển thu hộ Taseco Thăng Long trước thời điểm chuyển nhượng vốn góp	5.830.557.011	-
Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Thanh lý tài sản	-	735.421.271
		Nhận tiền hợp tác đầu tư	38.000.000.000	-
Công ty TNHH Hàng Miễn Thuế Jalux Taseco	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cổ tức và quỹ đầu tư phát triển thu hộ Taseco Thăng Long trước thời điểm chuyển nhượng vốn góp	33.360.732.890	-
		Cổ tức được nhận từ thời điểm nhận chuyển nhượng vốn góp	29.000.000.000	-
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	524.447.272	635.654.925
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	3.240.189.436	-
		Đặt cọc thuê vị trí quảng cáo	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	69.850.002	344.315.003
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Taseco	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	326.936.361	-
Các bên liên quan khác	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	488.281.834	758.005.565

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo hợp đồng, thỏa thuận giữa các bên.

Ngoài các khoản phải thu về hợp tác đầu tư như được trình bày tại Thuyết minh số 6, số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (năm 2016: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của các bên liên quan và thị trường mà các bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)</i></b>				
Taseco Media	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	107.607.134
Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.800.000	-
		Thu tiền bán thanh lý tài sản	-	812.963.398
Công ty TNHH Hàng Miễn Thuế Jalux Taseco	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.899.000	4.245.000
Taseco Sài Gòn	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.400.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Quốc tế	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.634.006	-
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	171.625.000	-
			<b>187.358.006</b>	<b>924.815.532</b>
<b><i>Phải thu khác - ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</i></b>				
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Lãi cho khoản vốn góp hợp tác kinh doanh	3.965.788.740	-
		Phải thu khác	500.000	220.063.636
Ông Lê Anh Quốc	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	-	2.912.550.000
			<b>3.966.288.740</b>	<b>3.132.613.636</b>
<b><i>Phải thu khác - dài hạn (Thuyết minh số 6)</i></b>				
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Chuyển tiền góp vốn cho hợp đồng hợp tác đầu tư	150.220.439.740	75.220.439.740
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng tập đoàn	Đặt cọc thuê vị trí quảng cáo	1.000.000.000	-
			<b>151.220.439.740</b>	<b>75.220.439.740</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11.1)</i></b>				
Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Mua tài sản cố định	300.000.000	300.000.000
		Cung cấp dịch vụ	28.352.500	-
			<b>328.352.500</b>	<b>300.000.000</b>

***Phải trả khác - ngắn hạn (Thuyết minh số 13)***

Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Nhận góp vốn bằng các khoản đầu tư vào các công ty con	-	39.191.289.901
Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Nhận vốn góp cho hợp đồng hợp tác đầu tư	-	23.000.000.000
			<b>-</b>	<b>62.191.289.901</b>

***Phải trả khác - dài hạn (Thuyết minh số 13)***

Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Nhận vốn góp cho hợp đồng hợp tác đầu tư		24.000.000.000
Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Nhận vốn góp cho hợp đồng hợp tác đầu tư	38.000.000.000	-
			<b>38.000.000.000</b>	<b>24.000.000.000</b>

***Nghiệp vụ với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	1.271.780.000	1.253.560.000
Thu nhập khác	108.120.000	112.350.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.379.900.000</b>	<b>1.365.910.000</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 24. CÁC CAM KẾT

### Thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê sau:

- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Nhà ga T1 và T2 – Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài với Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam có thời hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2019; và
- ▶ Một số hợp đồng thuê hoạt động khác.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	12.246.662.400	12.991.996.800
Từ 1 - 5 năm	32.622.782.400	21.335.193.600
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>44.869.444.800</b>	<b>34.327.190.400</b>

## 25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Phạm Trí Hoàng  
Người lập

Đào Ngọc Thiết  
Kế toán trưởng



Lê Anh Quốc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2018